

Số: /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO

**Thực trạng, định hướng và giải pháp phát triển kinh tế biển tỉnh
Quảng Ngãi gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018
của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII)
(Phục vụ Hội nghị Phát triển kinh tế miền Trung)**

A. THỰC TRẠNG KINH TẾ BIỂN TỈNH QUẢNG NGÃI

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

- Trong 3 năm 2016-2018, GRDP các huyện, thành phố ven biển và đảo tăng bình quân 5,6%/năm; năm 2018 đóng góp hơn 90% GRDP toàn tỉnh¹.

- Từ năm 2016 đến nay, Khu kinh tế Dung Quất đã thu hút được 139 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký đạt 4,912 tỷ USD (chỉ tiêu Nghị quyết đến năm 2020 đạt 2,5-3,5 tỷ USD), (có 29 dự án FDI với tổng vốn đăng ký 728,39 triệu USD). Đến cuối năm 2018, hàng hóa thông qua cảng đạt 20,9 triệu tấn (chỉ tiêu Nghị quyết là 18 triệu tấn); kim ngạch xuất khẩu 321 triệu USD (chỉ tiêu Nghị quyết là 600-800 triệu USD), giải quyết việc làm 24.374 lao động (chỉ tiêu Nghị quyết là 35.000 lao động).

- Năm 2018, sản lượng hải sản khai thác đạt 240 nghìn tấn; sản lượng nuôi trồng đạt 7,122 nghìn tấn, chế biến thủy sản 11,6 nghìn tấn.

- Hàng hóa thông qua hệ thống cảng Quảng Ngãi tăng bình quân 3%/năm.

- Trong 3 năm 2016-2018 có 09 xã ven biển đạt chuẩn nông thôn mới.

- Huyện Lý Sơn, giá trị sản xuất bình quân 3 năm 2016-2018 tăng 11,8%/năm. Năm 2018, nông nghiệp và thủy sản chiếm 49,7%, công nghiệp - xây dựng chiếm 10,2% và dịch vụ chiếm 40,1% trong giá trị sản xuất toàn huyện.

II. Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế biển tỉnh Quảng Ngãi

1. Xây dựng Khu kinh tế Dung Quất thành trung tâm công nghiệp ven biển của khu vực miền Trung; Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng Quốc gia; cửa ngõ để ra biển Đông là hạt nhân thúc đẩy sự phát triển của tỉnh

Từ năm 2016 đến nay, Khu kinh tế Dung Quất đã thu hút được một lượng khá lớn dự án đầu tư (139 dự án với tổng vốn đăng ký khoảng 111,009 nghìn tỷ đồng tương đương 4,912 tỷ USD) rất phong phú, đa dạng các loại hình công nghiệp, dịch vụ; gồm có các dự án công nghiệp nặng gắn với Cảng nước sâu Dung Quất (Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất, Nhà máy tách và hoá lỏng khí công nghiệp) và các dự án công nghiệp thực phẩm, da giày,

¹ Các số liệu về GRDP (do Cục Thống kê cung cấp) có tính chất tương đối, vì theo quy định của Luật Thống kê hiện hành thì chỉ tiêu kinh tế cấp huyện không tính GRDP.

dệt may, cơ khí, đóng sửa tàu thuyền, dịch vụ hậu cần nghề cá, chế biến các sản phẩm nông, lâm, thủy sản, công nghiệp phụ trợ các ngành dệt may, điện tử, tin học, lọc dầu, điện. Lũy kế đến nay, Khu kinh tế Dung Quất đã thu hút 327 dự án, với tổng vốn đăng ký 251.298 tỷ đồng (tương đương 12,657 tỷ USD), trong đó có 57 dự án FDI với tổng vốn đầu tư 1,718 tỷ USD.

Hiện nay, KKT Dung Quất đang tập trung giải quyết vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án trong KKT Dung Quất và hỗ trợ các nhà đầu tư triển khai các dự án như: Nâng cấp, mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất - 108,2 ha; Khu đô thị công nghiệp Dung Quất (giai đoạn 1A); Tuyến đường Trì Bình - cảng Dung Quất; Tuyến đường trục chính Bắc và Nam đô thị Vạn Tường; Nhà máy hợp kim sắt Hòa Phát Dung Quất; Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất (Khu hành chính mở rộng - đợt 2).

Kết cấu hạ tầng KKT Dung Quất tiếp tục được đầu tư hoàn thiện. Bên cạnh việc thu hút các dự án đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng và đầu tư phát triển hệ thống cảng biển từ năm trước; trong 3 năm qua, từ nguồn vốn ngân sách nhà nước đã đầu tư các tuyến đường: Đường Bình Long - Cảng Dung Quất (giai đoạn 2); cầu Trà Bồng; đường Trì Bình - Dung Quất; Kè chống sạt lở kết hợp cứu hộ, cứu nạn di dân, tái định cư, neo đậu tàu thuyền - đập Cà Ninh hạ lưu sông Trà Bồng;...

Bên cạnh nhiệm vụ phát triển kinh tế, công tác bảo vệ môi trường luôn được chú trọng, hạn chế và kiểm soát chặt chẽ thu hút và triển khai các dự án, thiết bị công nghệ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; quản lý, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm, thực hiện xã hội hóa các dịch vụ môi trường. Thường xuyên phối hợp với lực lượng chức năng để đảm bảo an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy và phòng chống thiên tai trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất.

2. Phát triển kinh tế thủy sản toàn diện, bền vững và đồng bộ trên các lĩnh vực khai thác, nuôi trồng, chế biến

Trong 3 năm qua, kinh tế thủy sản tiếp tục phát triển nhanh, chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị sản xuất nông nghiệp, giá trị sản xuất tăng bình quân 7,4%/năm, trong đó nghề khai thác hải sản có tốc độ tăng nhanh nhất.

Từ nguồn lực của người dân cùng với các chính sách hỗ trợ của Nhà nước về phát triển thủy sản, lực lượng tàu thuyền trong tỉnh tiếp tục được cải hoán, đóng mới theo hướng công suất lớn, cơ cấu ngành nghề được chuyển đổi với trang thiết bị hiện đại, cùng với đó công nghệ bảo quản sản phẩm trên tàu cá ngày càng được cải tiến² để vươn khơi bám biển, đặc biệt là tàu vỏ thép.

Số lượng tàu cá không ngừng tăng lên, nhất là tàu có công suất lớn phục vụ đánh bắt xa bờ, trang bị phương tiện hiện đại. Phát triển đội tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ, phát triển đội tàu vỏ thép, composite và vỏ vật liệu mới. Đến cuối năm 2018, toàn tỉnh có 5.138 chiếc tàu với tổng công suất 1,33 triệu CV. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 15 cơ sở đóng, sửa tàu thuyền đủ điều

² Như phương pháp bảo quản sản phẩm khai thác bằng công nghệ sản xuất đá vảy, nước đá sệt từ nước biển, công nghệ bọc cách nhiệt hầm bảo quản bằng vật liệu PU foam.

kiện đóng mới tàu trên 400CV.

Các mô hình hợp tác, liên kết khai thác hải sản xa bờ tiếp tục nhân rộng, đến nay toàn tỉnh có 299 tổ đoàn kết, 12 nghiệp đoàn nghề cá, 15 tổ chức chi hội nghề cá và 8 HTX nghề cá,...

Nuôi trồng thủy sản vùng ven biển trong các năm qua phát triển không ổn định. Các vùng nuôi ven biển ở các huyện Bình Sơn, Mộ Đức, Đức Phổ và thành phố Quảng Ngãi chủ yếu là nuôi tôm trên cát; diện tích và sản lượng nuôi năm 2018 không tăng so với năm 2015 nhưng giảm dần so các năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do ô nhiễm môi trường, dịch bệnh thường xuyên xảy ra. Nghề nuôi cá lồng bè có bước phát triển, chủ yếu là trên vùng đầm nước lợ và biển đảo Lý Sơn; đến năm 2018, có 50 bè với trên 2.000 lồng, hiệu quả kinh tế cũng khá cao.

Toàn tỉnh có 16 doanh nghiệp chế biến thủy sản đang hoạt động, với tổng công suất thiết kế trên 22.000 tấn sản phẩm/năm, trong đó, có 04 doanh nghiệp chế biến xuất khẩu trực tiếp; có 5 doanh nghiệp chế biến đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận. Sản lượng chế biến thủy sản năm 2018 đạt 11,6 nghìn tấn.

3. Phát triển du lịch biển, đảo là nhiệm vụ đột phá chiến lược, từng bước trở thành ngành kinh tế quan trọng, đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế biển, đảo của tỉnh

Ngành du lịch biển, đảo của tỉnh có bước khởi sắc; nhiều chương trình, sản phẩm văn hóa, du lịch biển được tổ chức, thu hút đông đảo nhân dân và khách du lịch trong và ngoài nước; thị trường khách du lịch có bước tăng trưởng tốt. Năm 2018, lượng khách đến tỉnh đạt 1 triệu lượt, so với năm 2015 tăng 1,54 lần so với năm 2015, trong đó, huyện đảo Lý Sơn đón hơn 230 ngàn lượt khách, chiếm 23% lượt khách toàn tỉnh. Tổng doanh thu du lịch năm 2018 ước đạt 950 tỷ đồng, tăng 1,7 lần so với năm 2015.

Du lịch biển, đảo của tỉnh Quảng Ngãi các năm qua chủ yếu gắn liền với các điểm đến như Lý Sơn, Mỹ Khê, Sa Huỳnh, Khe Hai... và một số di tích lịch sử, văn hóa vật thể và phi vật thể, các lễ hội vùng ven biển, đảo. Loại hình du lịch cộng đồng ở Lý Sơn từng bước hoàn thiện gắn với mô hình homestay cùng với các sản phẩm du lịch đặc thù đã và đang được xây dựng để thu hút khách du lịch như lặn biển, nghiên cứu nghĩa địa tàu đắm, tham quan các miệng núi lửa trên cạn và dưới nước, công tò vò đảo Bé,... Hiện tại tỉnh đang lập hồ sơ trình UNESCO công nhận Công viên địa chất toàn cầu Lý Sơn - Sa Huỳnh.

Trong thời gian qua, các ngành chức năng tỉnh và huyện Lý Sơn đã đẩy mạnh tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền quảng bá, xúc tiến tiềm năng, thế mạnh về du lịch biển đảo Quảng Ngãi³; tổ chức triển khai thực hiện chương trình liên kết, hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh, thành có thế mạnh về du

³ Tổ chức hội thảo “Phát triển du lịch Lý Sơn”; Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa; Xây dựng, in ấn và phát hành các ấn phẩm quảng bá du lịch; xây dựng video clip “Lý Sơn-đảo tình yêu”; tham gia các hội chợ du lịch quốc tế, trong nước.

lich như Bình Định, Kon Tum, Quảng Nam, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh, Hà Nội... trong đó đã ký hợp tác với tỉnh Quảng Nam mở tuyến du lịch đường thủy Cù Lao Chàm - Lý Sơn.

4. Xây dựng Lý Sơn thành đảo du lịch, mạnh về kinh tế, vững chắc về quốc phòng, an ninh, là tiền tiêu bảo vệ biển, đảo

Trong 3 năm qua, kinh tế huyện đảo Lý Sơn tăng trưởng khá (giá trị sản xuất tăng bình quân 11,8%/năm), nổi bật là lĩnh vực dịch vụ du lịch và kinh tế thủy sản. Huyện Lý Sơn đã hoàn thành phê duyệt quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/2000 làm cơ sở để quản lý đầu tư xây dựng và phát triển kinh tế biển, đảo trên địa bàn huyện.

Trong những năm gần đây, Lý Sơn là điểm du lịch thu hút khách nhiều nhất của tỉnh, hình ảnh Lý Sơn đã được đông đảo nhân dân trong nước và thế giới biết đến, sản phẩm du lịch và các dịch vụ từng bước được cải thiện; các hoạt động xúc tiến du lịch, quảng bá hình ảnh Lý Sơn được tích cực triển khai, nhiều hoạt động lễ hội, hội thảo⁴ được tổ chức; công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa được chú trọng, đã thành lập và đưa vào hoạt động Khu bảo tồn biển Lý Sơn, đang lập hồ sơ trình UNESCO và cấp có thẩm quyền công nhận các giá trị di tích và danh lam thắng cảnh trên đảo Lý Sơn. Bên cạnh đó, huyện Lý Sơn đã ban hành Bộ quy tắc ứng xử trong hoạt động du lịch trên địa bàn, mở các lớp đào tạo nâng cao năng lực phục vụ du lịch cho người dân nhằm hướng đến “Du lịch Lý Sơn văn minh, thân thiện và trách nhiệm” cùng với phương châm “Mỗi người dân Lý Sơn là một sứ giả du lịch”. Với tiềm năng, vai trò và đà tăng trưởng du lịch trong thời gian qua, Lý Sơn đã bước đầu tác động thúc đẩy du lịch biển, đảo của tỉnh phát triển.

Lực lượng tàu thuyền đánh bắt ngày càng tăng về quy mô công suất và trang thiết bị hiện đại, đã thành lập 02 nghiệp đoàn nghề cá để hỗ trợ khai thác xa bờ. Hiện tượng đánh bắt cá hủy diệt đã được hạn chế. Nuôi hải sản lồng bè trên biển mang lại hiệu quả kinh tế nhưng khó mở rộng quy mô, đến nay trên địa bàn huyện Lý Sơn có 30 bè nuôi theo quy hoạch.

Công tác quản lý quy hoạch xây dựng, bố trí sắp xếp dân cư, cải tạo mô mã, cải thiện và bảo vệ môi trường được tích cực triển khai thực hiện⁵, quốc phòng, an ninh được tăng cường, kết cấu hạ tầng được ưu tiên tập trung xây dựng⁶, trung tâm huyện Lý Sơn đã đạt chuẩn đô thị loại V.

⁴ Hội thảo “Phát triển du lịch Lý Sơn” năm 2017; Lễ hội Tuần lễ Văn hóa - Du lịch Lý Sơn lần thứ I năm 2018 với nội dung phong phú như Trưng bày chuyên đề “Lý Sơn - Di sản văn hóa biển, đảo”, Xác lập kỷ lục Việt Nam số người hát Quốc ca, tạo hình lá cờ Tổ quốc nhiều nhất, Liên hoan phượt - phượt Fest Lý Sơn 2018, Tái hiện không gian lễ hội và đua thuyền tứ linh, chợ đêm ẩm thực, đặc sản Lý Sơn...

⁵ Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án tổng thể bảo vệ, xử lý môi trường giai đoạn 2015-2020; mở rộng quy mô, công suất và vận hành có hiệu quả nhà máy xử lý chất thải rắn, xây dựng và nhân rộng các mô hình tổ tự quản về quản lý, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, đang triển khai dự án trồng rừng phòng hộ cảnh quan môi trường huyện đảo...

⁶ Các dự án Vững neo đậu tàu thuyền đảo Lý Sơn (giai đoạn 2), Đường cơ động phía Đông Nam đảo Lớn kết hợp kê chắn sóng (giai đoạn 2), Đường Trung tâm huyện – UBND xã An Hải, Đường cồn An Vĩnh - Ra đa tầm xa, Hệ thống điện đảo Bé.

5. Phát triển hệ thống cảng biển, vận tải biển, dịch vụ biển

Vùng bờ biển và đảo của tỉnh Quảng Ngãi có 3 khu vực cảng biển; trong đó hệ thống cảng biển Dung Quất và cảng biển Sa Kỳ đã được đầu tư xây dựng ở giai đoạn trước, cảng Bến Đình (Lý Sơn) đang triển khai thi công.

Hệ thống cảng Dung Quất được đầu tư các trang thiết bị chuyên dụng cơ bản đáp ứng nhu cầu bốc dỡ, vận chuyển hàng hóa, hàng năm sản lượng khai thác trên 17 triệu tấn; gồm có 04 bến cảng tổng hợp⁷ có năng lực tiếp nhận tàu trọng tải từ 20.000DWT-70.000DWT và vận hành khai thác cảng container; 03 cảng chuyên dụng phục vụ Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Doosanvina và Nhà máy đóng tàu Dung Quất. Cảng Sa Kỳ có khả năng tiếp nhận đồng thời 01 tàu hàng có trọng tải 1.000 DWT và 01 tàu khách 200 ghế.

Cảng Sa Kỳ và Cảng Dung Quất cơ bản đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra còn có các cảng cá như: Sa Cần, Tịnh Kỳ, Cổ Lũy, Mỹ Á, Sa Huỳnh và Lý Sơn. Trong đó cảng cá Lý Sơn hiện nay đang được kết hợp sử dụng cho tàu vận tải hàng hóa, hành khách.

Ngoài các hoạt động vận tải biển qua hệ thống cảng Dung Quất, trong 3 năm qua hoạt động vận tải trên tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn và từ đảo Lớn - đảo Bé phát triển nhanh chóng, đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa cho nhân dân và du khách⁸; ngoài ra còn có nhiều phương tiện tàu gỗ chuyên vận chuyển hàng hoá, vật liệu xây dựng. Hoạt động dịch vụ biển từng bước phát triển, gồm loại hình như: xếp, dỡ hàng hóa, đại lý tàu biển, lai dắt tàu biển, hoa tiêu hàng hải, sửa chữa, đóng mới, vận tải xăng dầu,...

6. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, từng bước đồng bộ, hiện đại gắn với phát triển các khu đô thị ven biển

Bên cạnh việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng trong Khu kinh tế Dung Quất, hạ tầng cảng biển, hạ tầng huyện đảo Lý Sơn, hạ tầng du lịch, kết cấu hạ tầng khu vực ven biển và hệ thống giao thông kết nối được ưu tiên tập trung đầu tư, nhất là những dự án lớn⁹ tạo động lực phát triển kinh tế biển, đảo và kinh tế - xã hội của tỉnh, phát triển chuỗi đô thị ven biển và phục vụ quốc phòng - an ninh.

Công tác quy hoạch xây dựng đô thị đẩy mạnh triển khai; đến nay tất cả các đô thị thuộc các huyện, thành phố ven biển và đảo Lý Sơn đã được phê duyệt quy hoạch chung; trong đó đã phê duyệt một số quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết. Đô thị Lý Sơn, Vạn Tường đã đạt tiêu chí đô thị loại V, đô thị Đức Phổ được công nhận đô thị loại IV. Đây là nền tảng để thu hút mạnh các nhà đầu tư, là nguồn lực phát triển nhanh kết cấu hạ tầng đô thị và hình thành các khu đô thị mới.

⁷ 02 cảng tổng hợp của PTSC, 01 cảng TH của Gemadept, 01 cảng TH chung của Hào Hưng

⁸ Tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn hiện có 13 tàu cao tốc (có 3 tàu siêu tốc); tuyến Đảo Lớn - đảo Bé có 07 tàu.

⁹ Hoàn thành dự án đường Bờ Nam sông Trà Khúc; đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh (đoạn Dung Quất - Trà Khúc); đang triển khai thi công cầu Cửa Đại; đang lập thủ tục dự án đường ven biển (đoạn từ Trà Khúc - Sa Huỳnh). Ngoài ra, Trung ương đã đầu tư một số công trình giao thông kết nối quan trọng như: nâng cấp mở rộng quốc lộ 1A, đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Quốc lộ 24...

Trên địa bàn tỉnh có 03 khu neo đậu tránh trú bão tàu cá kết hợp cảng cá¹⁰; 03 cảng cá¹¹ đáp ứng nhu cầu neo đậu cho khoảng 1.750 chiếc tàu thuyền được xây dựng từ các năm trước đã phát huy hiệu quả. Tiếp tục đầu tư xây dựng Vũng neo đậu tàu thuyền Lý Sơn (giai đoạn 2), Khu neo đậu, tránh trú bão tàu cá kết hợp cảng cá Cổ Lũy (Cửa Đại). Triển khai xây dựng khu vực Sa Kỳ thành trung tâm nghề cá lớn của tỉnh, hiện nay đã tiến hành quy hoạch Cụm công nghiệp hậu cần nghề cá Sa Kỳ kết hợp với quy hoạch phân khu đô thị Sa Kỳ, trong đó bao gồm các cơ sở đóng tàu, dịch vụ hậu cần và định cư nghề cá Gò Tây... Ngoài ra, khu vực ven biển và đảo Lý Sơn cũng đã được đầu tư nhiều công trình hạ tầng về phòng chống thiên tai (đê, kè), giao thông nông thôn, thủy lợi, y tế, giáo dục,... tạo điều kiện phát triển kinh tế và ngày càng nâng cao hơn đời sống, sinh hoạt của dân cư.

7. Quản lý, bảo vệ tài nguyên, môi trường; phòng, chống thiên tai

Nhiều hoạt động tuyên truyền về quản lý, bảo vệ tài nguyên, môi trường được tích cực triển khai; đã tổ chức nhiều hoạt động quan trắc môi trường, điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường vùng ven biển, hải đảo; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý tổng hợp vùng bờ,... nhằm làm cơ sở khoa học để nghiên cứu, quản lý và bảo vệ tài nguyên môi trường biển, đảo theo hướng phát triển bền vững. Công tác tổ chức triển khai các hoạt động về ứng phó với sự cố tràn dầu, xử lý môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai vùng biển, ven biển tỉnh Quảng Ngãi các năm qua cũng được tổ chức triển khai.

8. Công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền, biển đảo của Tổ quốc

Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội biển đảo gắn với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo được duy trì. Xây dựng lực lượng bảo vệ biển, đảo ngày càng vững mạnh, gắn với xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Các tổ chức nghề cá như nghiệp đoàn, tổ đoàn kết, hợp tác xã, tổ hợp tác ngày càng được củng cố, nhân rộng nhằm gắn kết hỗ trợ nhau trong khai thác hải sản xa bờ, cứu hộ, cứu nạn, đồng thời góp phần khẳng định và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam.

Công tác tuần tra, kiểm soát, tìm kiếm, cứu nạn trên biển được tăng cường, phát hiện kịp thời, phối hợp với các lực lượng chức năng Trung ương ngăn chặn và xử lý các trường hợp xâm phạm chủ quyền và tội phạm trên biển và vùng ven biển; tổ chức cứu nạn kịp thời các tàu thuyền, ngư dân gặp nạn. Tỉnh đã kịp thời phối hợp với Bộ Ngoại giao và cơ quan ngoại giao Việt Nam tại các nước để thương lượng đưa ngư dân và tàu thuyền bị nước ngoài bắt giữ về nước an toàn.

9. Phát triển văn hoá, giải quyết các vấn đề xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; xây dựng nông thôn mới

Chương trình giáo dục toàn diện từng bước đổi mới và triển khai ở các cấp

¹⁰ Tịnh Hòa, Mỹ Á (giai đoạn 1), Lý Sơn (giai đoạn 1)

¹¹ Sa Huỳnh, sông Trà Bồng, cảng cá và khu dịch vụ hậu cần Tịnh Kỳ

học, chất lượng giáo dục ngày càng nâng cao; đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả; ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và học tập; dạy ngoại ngữ ngày càng mở rộng và phong phú; nhiều biện pháp giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, nhất là ở khu vực ven biển, hải đảo được triển khai hiệu quả; cơ sở vật chất trường học từng bước được xây dựng mới và nâng cấp, mở rộng; tỷ lệ trường đạt chuẩn hàng năm được tăng thêm¹².

Ngành y tế đã tích cực triển khai thực hiện Đề án phát triển kinh tế biển, đảo; trong các năm qua, cơ sở vật chất ngành y tế được cải thiện rõ rệt từ tuyến tỉnh đến xã¹³, hệ thống y tế công lập được đầu tư củng cố và giữ vai trò chủ đạo trong việc cung ứng các dịch vụ y tế. Xã hội hóa y tế được mở rộng và chất lượng được cải thiện; các dịch vụ y tế cơ bản đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Trung tâm Y tế Quân - Dân y kết hợp Lý Sơn được thành lập với đội ngũ cán bộ y tế và trang thiết bị được tăng cường, tuy nhiên chưa đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của Nhân dân, do vậy tỉnh đã lập dự án và đang tìm nguồn vốn để nâng cấp cải tạo. Công tác y tế dự phòng, kiểm soát dân số, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình khu vực ven biển và đảo Lý Sơn được thường xuyên quan tâm, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm dần hàng năm.

Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*” vùng ven biển, hải đảo và các phong trào thi đua đã phát huy hiệu quả thiết thực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; các di tích lịch sử, văn hóa, lễ hội văn hóa truyền thống của dân cư vùng biển đảo được giữ gìn và phát huy¹⁴, các thiết chế văn hóa, thể thao¹⁵ vùng nông thôn ven biển và đảo từng bước được đầu tư xây dựng góp phần cải thiện đời sống dân cư.

Hoạt động đào tạo nghề cho lao động khu vực ven biển và đảo phù hợp với nhu cầu, điều kiện sản xuất, phát triển kinh tế của các dân cư vùng biển và nhu cầu của doanh nghiệp¹⁶ nên đã phát huy được hiệu quả, giải quyết việc làm tăng thu nhập, chuyển đổi nghề nghiệp, góp phần giảm nghèo. Các chính sách giảm nghèo được triển khai đồng bộ cho các đối tượng, như Chương trình bãi ngang ven biển (hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất, sinh kế) và các chính sách hỗ trợ người nghèo khác đã góp phần giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội vùng ven biển và đảo Lý Sơn. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn các huyện, thành phố ven biển và xã bãi ngang ven biển giảm hàng năm (các huyện: năm 2016 tỷ lệ hộ nghèo 8,72%, năm 2018 còn 4,69% (Nghị quyết đến 2020 còn 3,17%), giảm 4,03%.

¹² Đến năm 2017, trường đạt chuẩn các huyện ven biển và hải đảo: hệ mầm non, mẫu giáo có 33/98 trường; cấp tiểu học có 84/108 trường; cấp THCS có 67/78 trường; cấp THPT có 12/20 trường.

¹³ Đến nay, tất cả 24 xã ven biển đã được xây dựng Trạm Y tế khang trang đầy đủ các phòng theo quy định, trong đó có 22/24 xã đã được công nhận xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế

¹⁴ Như lễ hội đua thuyền đầu năm, lễ hội ra quân đánh bắt hải sản đầu năm, Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa, đang triển khai dự án phục dựng bộ xương Cá Ông ở Lý Sơn...

¹⁵ Nhà văn hóa xã, nhà văn hóa thôn, khu thể thao xã, sân thể thao thôn, sân bóng đá mini,...

¹⁶ Các nghề như Thuyền trưởng, máy trường, may công nghiệp, dịch vụ du lịch, thú y, chế biến hải sản, ...

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2018 triển khai tích cực, phong trào xây dựng nông thôn mới được nhân dân hưởng ứng mạnh mẽ, số xã đạt chuẩn nông thôn mới hàng năm tăng cao so với giai đoạn trước (17-18 xã/năm); đến hết năm 2018, có 36 xã thuộc các huyện, thành phố ven biển và hải đảo đạt chuẩn nông thôn mới (toàn tỉnh có 59 xã đạt chuẩn), trong đó có 9 xã ven biển¹⁷.

III. Đánh giá chung kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân

1. Kết quả đạt được

Qua hơn 3 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 01 của Tỉnh ủy, kinh tế biển, đảo tiếp tục tăng trưởng khá, chiếm phần lớn trong quy mô nền kinh tế của tỉnh. Diện mạo nông thôn và đô thị ven biển khởi sắc, đời sống dân cư được cải thiện; đã gắn kết giữa phát triển kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường và đảm bảo quốc phòng, an ninh trên biển và hải đảo.

Môi trường đầu tư được cải thiện, thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất tiếp tục đạt kết quả khá với ngành nghề đa dạng, gồm công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến, từng bước hình thành khu kinh tế biển tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, đóng vai trò chủ đạo trong phát triển kinh tế của tỉnh.

Kinh tế thủy sản phát triển nhanh về lực lượng tàu thuyền, sản lượng thủy sản. Du lịch, dịch vụ biển, đảo có bước khởi sắc, kinh tế huyện đảo Lý Sơn tăng trưởng khá trong lĩnh vực phát triển kinh tế thủy sản, tham quan du lịch, hình ảnh Lý Sơn đã được quảng bá và đã thu hút được nhiều khách tham quan, du lịch trong nước và quốc tế. Hạ tầng vùng biển, đảo và hạ tầng kết nối được chú trọng đầu tư, nhất là hạ tầng trong khu kinh tế, các khu đô thị, trên đảo Lý Sơn. Hệ thống cảng biển, giao thông, hạ tầng nghề cá, du lịch và hạ tầng xã hội ... từng bước được đầu tư nâng cấp, mở rộng.

Nhiều hoạt động thông tin, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về biển, đảo được đẩy mạnh và mang lại hiệu quả. Công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường được chú trọng, đã chủ động và tăng cường công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Hệ thống chính quyền cơ sở được củng cố; quốc phòng, an ninh trên biển được tăng cường; đời sống nhân dân vùng biển, đảo được cải thiện đáng kể, an sinh xã hội cơ bản được bảo đảm.

2. Hạn chế và nguyên nhân

a) Hạn chế

- Quy mô kinh tế biển của tỉnh còn nhỏ, chưa khai thác hết tiềm năng; nhiều dự án đã được đăng ký đầu tư nhưng tiến độ triển khai chậm hoặc không triển khai.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng trong các khu kinh tế và vùng ven biển còn hạn chế, chưa đồng bộ, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển và tạo động lực mạnh cho thu hút đầu tư, phát triển kinh tế và đô thị ven biển. Một số cửa biển, đường vào các cảng cá và khu neo đậu tàu thuyền hàng năm bị bồi lấp, rất khó khăn cho tàu thuyền ra vào. Những năm gần đây một số khu vực bờ biển thường bị sạt lở

¹⁷ Tĩnh Khê, Tĩnh Kỳ, Nghĩa An, Nghĩa Phú, Bình Trị, Nghĩa Hòa, Phô Vinh, Phô An, An Hải.

manh. Môi trường vùng ven biển và trên đảo Lý Sơn còn nhiều bất cập.

- Kinh tế thủy sản chưa mạnh, tập trung chủ yếu trong lĩnh vực đánh bắt; nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ, manh mún, thường xuyên dịch bệnh; chế biến thủy sản quy mô nhỏ, năng lực cạnh tranh và giá trị gia tăng thấp; chưa hình thành được trung tâm nghề cá lớn.

- Hoạt động du lịch tuy có nhiều chuyển biến khả quan nhưng nhìn chung chưa khai thác hết tiềm năng du lịch biển, đảo của tỉnh; sản phẩm du lịch chưa phong phú, hạ tầng du lịch còn hạn chế.

- Việc đánh bắt, nuôi trồng thủy sản một số vùng còn khó khăn nên đời sống một bộ phận nhân dân bị ảnh hưởng. Chất lượng giáo dục, đào tạo, giải quyết việc làm, chăm sóc sức khỏe nhân dân còn những khó khăn, hạn chế.

- Vẫn còn nhiều trường hợp tàu thuyền của ngư dân khai thác trên ngư trường thuộc vùng biển chủ quyền của nước ta nhưng bị tàu nước ngoài xua đuổi, đâm chìm, gây thiệt hại đến tính mạng và tài sản; còn xảy ra những trường hợp ngư dân của tỉnh đánh bắt cá vi phạm vùng biển đặc quyền kinh tế của các nước trong khu vực.

b) Nguyên nhân chủ yếu

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nghị quyết về phát triển kinh tế biển, đảo ở các ngành, địa phương chưa được tập trung, chủ yếu được lồng ghép thực hiện trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Quảng Ngãi tuy có lượng tàu thuyền đánh bắt hải sản lớn nhưng đa số là đánh bắt xa bờ, nên một lượng lớn hải sản đánh bắt được tiêu thụ ở các tỉnh khác, dẫn đến ngành chế biến thủy sản khó phát triển mạnh. Tiềm năng về phát triển nuôi trồng thủy sản không lớn, lại phát triển tự phát, thiếu quy hoạch, hạ tầng chưa được đầu tư đồng bộ nên dễ bị gây ô nhiễm.

- Nằm cách xa các trung tâm, đô thị lớn nên việc hưởng lợi thể lan tỏa về thu hút đầu tư, phát triển du lịch, thương mại, dịch vụ,... bị hạn chế. Nhiều dự án du lịch đã cấp đăng ký đầu tư trước đây với quy mô nhỏ, chia cắt, làm cản trở để thu hút đầu tư cũng như triển khai các dự án lớn sau này.

- Vùng ven biển và đảo Lý Sơn là nơi trực tiếp và thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai, bão lũ, biến đổi khí hậu. Vấn đề tranh chấp chủ quyền, tình hình an ninh trên biển Đông còn diễn biến phức tạp.

- Nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước để phát triển kết cấu hạ tầng còn hạn chế nên chưa tạo được môi trường thuận lợi, hấp dẫn thu hút đầu tư vào phát triển kinh tế biển, đảo.

- Tuy có lợi thế về cảng biển nước sâu, nhưng Quảng Ngãi là một tỉnh nhỏ, lượng hàng hóa xuất nhập khẩu qua cảng không nhiều, dẫn đến vận tải biển, kinh tế hàng hải chưa thể phát triển nhanh.

- Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân bảo vệ tài nguyên, môi trường

biển, chấp hành pháp luật về bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, đánh bắt cá trên biển của người dân, ngư dân còn hạn chế; một bộ phận ngư dân vì lợi ích kinh tế mà có hành vi vi phạm pháp luật về đánh bắt cá trên biển.

B. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN ĐẢO GẮN VỚI VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 36-NQ/TW NGÀY 22/10/2018 CỦA HỘI NGHỊ LẦN THỨ 8 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA XII

I. Mục tiêu đến năm 2030

1. Các chỉ tiêu tổng hợp: Hầu hết các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến biển, đảo được thực hiện theo nguyên tắc quản lý tổng hợp phù hợp với hệ sinh thái biển.

2. Về kinh tế biển: Kinh tế của các huyện, thành phố ven biển và đảo đóng góp trên 90% GRDP toàn tỉnh; các ngành kinh tế biển phát triển bền vững theo các chuẩn mực quốc tế; kiểm soát khai thác tài nguyên biển trong khả năng phục hồi của hệ sinh thái biển.

3. Về xã hội: Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh đạt mức trung bình cả nước trở lên. Kết cấu hạ tầng huyện đảo Lý Sơn được đầu tư hiện đại, đặc biệt là đầy đủ hạ tầng về điện, nước ngọt, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục...

4. Về khoa học, công nghệ, phát triển nguồn nhân lực biển: Tiếp cận, tận dụng tối đa thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến trong phát triển bền vững kinh tế biển và thuộc nhóm các tỉnh khá trong cả nước. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển, hình thành đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ biển có năng lực, trình độ cao.

5. Về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng

- Điều tra, đánh giá tiềm năng, giá trị các tài nguyên biển quan trọng trong vùng biển và đảo của tỉnh. 100% diện tích vùng biển và đảo do tỉnh quản lý được điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường với tỷ lệ bản đồ 1:25.000. Xây dựng cơ sở dữ liệu về biển, đảo, đảm bảo tính tích hợp, chia sẻ và cập nhật.

- Ngăn ngừa, kiểm soát, giảm thiểu ô nhiễm, suy thoái môi trường biển. 100% chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt tại các huyện ven biển, đảo của tỉnh được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn môi trường.

- Khu kinh tế Dung Quất, các cụm công nghiệp ven biển, các khu đô thị ven biển và đảo Lý Sơn được quy hoạch, xây dựng theo hướng bền vững, sinh thái, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, có hệ thống xử lý nước thải tập trung, đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường.

- Quản lý và bảo vệ tốt các hệ sinh thái biển, ven biển và hải đảo; tăng cường năng lực khu bảo tồn biển Lý Sơn, phục hồi và bảo vệ các hệ sinh thái trong khu bảo tồn; đến năm 2030 độ che phủ rừng các xã ven biển đạt 33,4%.

- Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, quan trắc, giám sát môi

trường biển, thông tin về biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Có biện pháp phòng, tránh, ngăn chặn, hạn chế tác động của triều cường, xâm nhập mặn, xói lở bờ biển.

II. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Một số nhiệm vụ chủ yếu

a) Phát triển các ngành kinh tế biển và ven biển

(1) Phát triển các ngành kinh tế biển

* Du lịch và dịch vụ biển, đảo

- Khai thác hiệu quả tài nguyên về cảnh quan thiên nhiên, văn hóa, lịch sử của các địa phương ven biển và đảo Lý Sơn để đẩy mạnh phát triển du lịch biển, đảo. Bảo tồn, tôn tạo, phát huy các giá trị di sản địa chất, di sản lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh phục vụ phát triển du lịch. Huy động các nguồn lực xây dựng hạ tầng các khu, điểm du lịch theo quy hoạch được duyệt; phát triển các cơ sở lưu trú, nhà hàng, các khu nghỉ dưỡng cao cấp, trung tâm hội nghị, sân golf, tư vấn du lịch, cơ sở dịch vụ tham quan, nghỉ dưỡng; hỗ trợ các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành và đưa vào khai thác các dự án dịch vụ, du lịch ven biển đã được cấp phép đầu tư. Triển khai thực hiện Dự án bảo tồn khẩn cấp đảo Bé; Bảo tàng lịch sử Hoàng Sa - Trường Sa; đề nghị công nhận Công viên địa chất toàn cầu Lý Sơn - Sa Huỳnh.

- Phát triển du lịch gắn với xây dựng các sản phẩm du lịch biển, đảo, đồng thời, hướng dẫn, hỗ trợ phát triển các ngành nghề sản xuất các sản phẩm đặc trưng của tỉnh như tỏi, tỏi đen, rượu tỏi, rượu hải sâm, cá bóng Sông Trà,... làm phong phú thêm sản phẩm du lịch, tạo sự hấp dẫn để thu hút khách.

- Triển khai có hiệu quả chương trình liên kết hợp tác phát triển du lịch với tỉnh, thành phố và với doanh nghiệp lữ hành du lịch có thương hiệu trong và ngoài nước; xây dựng tuyến du lịch Bình Châu - Mỹ Khê - Lý Sơn.

- Tăng cường xây dựng và quảng bá hình ảnh của đảo Lý Sơn; đầu tư phát triển du lịch đảo Lý Sơn trở thành đảo du lịch xanh, sinh thái và được công nhận điểm du lịch quốc gia. Hướng dẫn, hỗ trợ người dân trên đảo phát triển du lịch cộng đồng.

* Kinh tế hàng hải

Quy hoạch, xây dựng và tổ chức khai thác đồng bộ, hiệu quả các cảng biển gắn với các dịch vụ hỗ trợ, dịch vụ vận tải biển và dịch vụ biển như: đại lý tàu biển, hoa tiêu, lai dắt, vận tải hàng hóa, dịch vụ cung cấp vật tư, thiết bị hàng hải, thông tin liên lạc trên biển.

Quy hoạch địa điểm xây dựng các đầu mối logistics sau cảng. Huy động nguồn lực đầu tư xây dựng trung tâm Logistics hiện đại tại Khu kinh tế Dung Quất. Phát triển hệ thống mạng lưới giao thông, vận tải đồng bộ, kết nối giữa các khu công nghiệp, thương mại dịch vụ, nhà máy sản xuất với hệ thống cảng biển. Đầu tư dự án tuyến đường Đốc Sỏi - sân bay Chu Lai, tạo điều kiện phát

triển dịch vụ logistics giữa Cảng Dung Quất và Cảng hàng không quốc tế Chu Lai. Nghiên cứu đầu tư tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 24C đến đường Trường Sơn Đông tạo trục giao thông kết nối với các tỉnh Tây nguyên và Nam Lào, mở rộng thị trường logistics; kêu gọi đầu tư xây dựng hình thành tuyến Container trung chuyển quốc tế tại khu Kinh tế Dung Quất; phát triển Cảng nước sâu Dung Quất trở thành một trong những cảng có quy mô lớn của quốc gia. Nâng cao chất lượng dịch vụ, khai thác có hiệu quả hệ thống các cảng biển Sa Kỳ, Bến Đình phục vụ tốt vận tải hành khách, hàng hóa. Từng bước phát triển đội tàu vận tải biển, tham gia vào chuỗi cung ứng vận tải quốc tế.

*** Khai thác các tài nguyên, khoáng sản biển khác**

Điều tra cơ bản về tài nguyên, khoáng sản vùng ven biển; có kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản biển hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả; thu hút đầu tư ngành khai thác và chế biến khoáng sản biển với quy mô và công nghệ thích hợp, gắn với chế biến sâu và bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học.

*** Nuôi trồng và khai thác hải sản**

- Chuyển từ nuôi trồng, khai thác, bảo quản, chế biến hải sản sản theo phương thức truyền thống sang công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, tạo ra sản phẩm có chất lượng, giá trị kinh tế cao; tăng cường bảo vệ, tái tạo nguồn lợi, nghiêm cấm các hoạt động khai thác mang tính tận diệt.

- Khuyến khích khai thác tiềm năng, phát triển nuôi trồng ở những khu vực có quy mô lớn như trên biển, các đầm nước mặn, nuôi trên cát, các hồ chứa nước ngọt và cần phải đầu tư đồng bộ, hiện đại với mô hình quản lý phù hợp.

- Hiện đại hóa công tác quản lý nghề cá trên biển. củng cố, phát triển các hợp tác xã dịch vụ, tổ hợp tác, nghiệp đoàn nghề cá, tổ đội sản xuất, doanh nghiệp khai thác xa bờ; khuyến khích liên doanh, liên kết trong việc khai thác, thu mua, chế biến, tiêu thụ hải sản; hỗ trợ ngư dân cải hoán, đóng mới phát triển tàu có công suất lớn, hiện đại, đặc biệt là tàu vỏ thép, composite và vật liệu mới khai thác xa bờ; cơ cấu lại tàu thuyền, ngành nghề phù hợp với các vùng biển, tuyến biển; khuyến khích phát triển đội tàu dịch vụ hậu cần để thực hiện chuỗi liên kết khai thác, dịch vụ, thu mua, tiêu thụ, chế biến sản phẩm.

Huy động nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống các cảng cá, vũng neo đậu tàu thuyền gắn với các cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá theo quy hoạch. Ưu tiên đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp ven biển gắn với trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá; phát triển công nghiệp chế biến thủy sản, nhất là chế biến các sản phẩm xuất khẩu; khôi phục và phát triển các nghề chế biến thủy sản truyền thống, sản xuất đặc sản biển, giải quyết việc làm, thu nhập cho người dân.

*** Phát triển công nghiệp ven biển**

Phối hợp với các bộ, ngành trung ương đẩy nhanh tiến độ thi công hoàn thành Dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, các dự án điện khí, sớm hình thành Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Dung Quất.

Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao thân thiện với môi trường; đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển ngành công nghiệp nặng có quy mô lớn gắn với cảng biển nước sâu Dung Quất; phát triển các ngành công nghiệp nhẹ, chế biến sâu; công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch tại các khu công nghiệp.

Từng bước khôi phục, phát triển hợp lý ngành công nghiệp đóng tàu; nâng cao năng lực các cơ sở đóng tàu, sửa tàu thuyền, đóng mới, cải hoán tàu vỏ thép, composite và vật liệu mới chất lượng cao và hiện đại. Tiếp tục thu hút, hỗ trợ đầu tư các ngành công nghiệp then chốt như cơ khí chế tạo, năng lượng, công nghiệp chế biến; phát triển công nghiệp hỗ trợ, gắn kết phát triển công nghiệp hỗ trợ của tỉnh tại KKT Dung Quất, các khu công nghiệp của tỉnh và các tỉnh trong khu vực.

*** Phát triển năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới**

Thu hút đầu tư các dự án năng lượng tái tạo theo quy hoạch, khuyến khích phát triển điện năng lượng mặt trời và năng lượng khí sinh học quy mô hộ gia đình, ưu tiên đầu tư phát triển năng lượng tái tạo trên các đảo phục vụ sản xuất, sinh hoạt, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nghiên cứu phát triển các ngành kinh tế mới, chế biến một số sản phẩm dựa trên tài nguyên đa dạng sinh học biển như dược liệu, thực phẩm, thực phẩm chức năng, nuôi trồng và chế biến rong, tảo, cỏ biển, các phụ phẩm thủy sản,...

(2) Phát triển đồng bộ Khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị sinh thái ven biển

- Xây dựng Khu kinh tế Dung Quất thành Trung tâm kinh tế biển, trở thành một trong những trung tâm liên kết kinh tế vùng khu vực miền Trung, Tây nguyên. Hoàn thiện hệ thống hạ tầng trong Khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp ven biển hướng đến mô hình khu kinh tế, khu công nghiệp sinh thái, có sức hấp dẫn các nhà đầu tư, thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao; giải quyết tốt vấn đề xã hội, môi trường.

- Quy hoạch và có lộ trình, kế hoạch xây dựng chuỗi đô thị ven biển và đảo có hạ tầng đồng bộ, hiện đại theo hướng đô thị sinh thái, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy nhanh phát triển đô thị thành phố Quảng Ngãi về phía biển; chỉnh trang và đầu tư đồng bộ, mở rộng các đô thị biển hiện có như Đức Phổ, Vạn Tường, Lý Sơn. Sớm hoàn thành tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh (giai đoạn 2), từng bước xây dựng hệ thống đô thị ven biển dọc theo tuyến Dung Quất - Sa Huỳnh, tạo điều kiện khai thác lợi thế phát triển du lịch, dịch vụ biển.

b) Bảo vệ môi trường, bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học biển; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và phòng, chống thiên tai

- Nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ môi trường ở địa phương; tăng cường trang thiết bị giám sát, cảnh báo về chất lượng môi trường, ứng phó sự cố môi trường, hóa chất độc hại. Thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo vệ môi

trường; nâng cao chất lượng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, thực hiện nghiêm ngặt các yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn về môi trường đối với các dự án đầu tư có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; chú trọng công tác bảo vệ môi trường ngay trong quá trình lập quy hoạch, thu hút các dự án đầu tư. Quản lý nguồn nước thải, chất thải rắn tại các khu công nghiệp ven biển, nước thải tại các vùng nuôi thủy sản tập trung, rác thải biển, nhất là rác thải nhựa. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, không để xảy ra các sự cố ô nhiễm môi trường; có giải pháp cải thiện hiệu quả quá trình ô nhiễm môi trường ven biển và đảo Lý Sơn, nâng cao chất lượng môi trường biển; xử lý hiệu quả, kịp thời các nguồn gây ô nhiễm, bảo đảm phòng ngừa, ngăn chặn không để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường. Nâng cao ý thức cộng đồng, đẩy mạnh xã hội hóa về bảo vệ môi trường.

- Tuyên truyền phổ biến nâng cao ý thức bảo tồn đa dạng sinh học cho cư dân ven biển và đảo; có biện pháp phục hồi hệ sinh thái biển, đặc biệt là các rạn san hô, rong, cỏ biển, các loài sinh vật biển có nguy cơ tuyệt chủng; phát triển trồng rừng phòng hộ ven biển và đảo Lý Sơn, nuôi trồng thủy sản thân thiện với môi trường. Nâng cao hiệu quả quản lý của Khu bảo tồn biển Lý Sơn.

- Nâng cao năng lực, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, động đất, sóng thần, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Dự lường các yếu tố tác động để lồng ghép các yêu cầu về thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai trong kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế, xã hội. Khảo sát, đánh giá tình trạng sạt lở bờ biển để có kế hoạch đầu tư phù hợp nhằm chủ động phòng, tránh, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng văn hoá biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển

Phát triển các ngành kinh tế biển gắn với đào tạo nghề, thực hiện các chính sách hỗ trợ, giải quyết việc làm, chuyển đổi nghề nghiệp cho lao động vùng biển, đảo để nâng cao thu nhập, góp phần cải thiện đời sống, đảm bảo an ninh, an toàn cho người dân vùng biển, đảo.

Chú trọng đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, bảo tồn các di tích lịch sử, di sản văn hóa, thiên nhiên trong cộng đồng dân cư ven biển, đảo. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa biển, giá trị lịch sử của dân tộc, tri thức tốt đẹp trong ứng xử với biển, coi đây là nền tảng quan trọng để xây dựng văn hóa biển.

Tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức về biển, xây dựng xã hội, ý thức, trách nhiệm, lối sống văn hóa, gắn bó, thân thiện với biển. Tiếp tục cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; phát huy tinh thần tương thân, tương ái của cộng đồng dân cư vùng biển; bảo đảm quyền tiếp cận, tham gia, hưởng lợi và trách nhiệm của người dân đối với biển.

d) Bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế

Xây dựng lực lượng vũ trang tinh nhuệ và hiện đại, củng cố khu vực phòng

thủ, tăng cường thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân khu vực biển; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân vùng ven biển, giữ gìn an ninh, trật tự và chủ quyền biển, đảo.

Chủ động phối hợp với các bộ, ngành Trung ương và các tỉnh bạn để thực hiện tốt các biện pháp đấu tranh chính trị, ngoại giao, pháp lý, kinh tế, quốc phòng, an ninh trong quản lý vùng trời, bảo vệ biển, đảo trên địa bàn tỉnh.

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; gắn hoạt động của các đội tàu đánh bắt hải sản xa bờ với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, an ninh vùng biển. Mở rộng hợp tác quốc tế trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là hợp tác về phát triển kinh tế biển để thu hút đầu tư, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, hỗ trợ nguồn nhân lực biển; hợp tác khai thác hải sản với một số nước trong khu vực; triển khai thực hiện hiệu quả Đề án phát triển nghề khai thác viễn dương theo Quyết định số 1047/QĐ-TTg ngày 17/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Tranh thủ tối đa các nguồn lực, hỗ trợ của quốc tế để nâng cao năng lực quản lý và khai thác cá biển.

2. Một số giải pháp chủ yếu

a) Quán triệt, nâng cao nhận thức, tư tưởng, hành động trong triển khai thực hiện chủ trương phát triển bền vững kinh tế biển

Các cấp ủy đảng tổ chức quán triệt, phổ biến đầy đủ, sâu sắc các quan điểm, mục tiêu, chủ trương, giải pháp được xác định trong Nghị quyết 36 đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân nhằm nâng cao và tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của toàn hệ thống chính trị và nhân dân về vị trí, vai trò của biển đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong tình hình mới.

b) Hoàn thiện thể chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về phát triển bền vững kinh tế biển

Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các cơ chế, chính sách của tỉnh có liên quan về kinh tế biển, đảo để đảm bảo tính khả thi, đồng bộ và phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo hành lang pháp lý để huy động được các nguồn lực trong và ngoài nước đầu tư phát triển kinh tế biển.

Hoàn thiện Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2045; trong đó, chủ trọng tích hợp các nội dung phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh vào Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch liên quan theo hướng quản lý tổng hợp, phù hợp với hệ sinh thái biển, gắn kết hài hòa giữa bảo tồn và phát triển.

Kế hoạch phát triển bền vững kinh tế biển phải được thể hiện cụ thể trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực 5 năm để triển khai thực hiện; theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo và định kỳ kiểm tra việc tổ chức thực hiện. Phối hợp với các cơ quan trung ương trong xây dựng quy hoạch không gian biển quốc gia,

Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ.

Kiến toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về biển từ tỉnh đến huyện, xã bảo đảm hiện đại, đồng bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước các cấp tỉnh, huyện, xã đủ năng lực và có chuyên môn cao; nâng cao hiệu quả phối hợp về công tác biển, đảo giữa các cơ quan, giữa trung ương và địa phương. Tăng cường năng lực cho Sở Tài nguyên và Môi trường để thực tốt chức năng, nhiệm vụ là cơ quan thường trực giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước tổng hợp về biển, đảo.

c) Phát triển khoa học, công nghệ và tăng cường điều tra cơ bản biển

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, công nghệ sinh học vào phát triển các ngành kinh tế biển.

Tổ chức điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; đánh giá tiềm năng và lợi thế về điều kiện tự nhiên, tài nguyên, hệ sinh thái và các ngành, lĩnh vực kinh tế biển như hàng hải, khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy, hải sản, năng lượng tái tạo, sinh dược học biển... Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản vùng biển ven bờ để xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu nguồn lợi thủy sản phục vụ công tác quản lý và dự báo ngư trường nhằm khai thác thủy sản bền vững.

d) Đẩy mạnh giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức, kiến thức về biển, đại dương, kỹ năng sinh tồn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phòng, tránh thiên tai cho học sinh, sinh viên trong tất cả các cấp học. Thu hút, tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu quản lý, nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển các ngành kinh tế biển.

Nâng cao năng lực và chất lượng đào tạo của các cơ sở đào tạo nghề, cùng với đổi mới công tác đào tạo nghề đáp ứng yêu cầu lao động của các ngành kinh tế biển và việc chuyển đổi nghề của người dân. Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, tự đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu tuyển dụng, giảm thiểu lao động thất nghiệp sau khi được đào tạo.

đ) Tăng cường năng lực bảo đảm quốc phòng, an ninh, thực thi pháp luật trên biển

Phối hợp với các cơ quan trung ương xây dựng lực lượng vũ trang trên biển vững mạnh. Xây dựng lực lượng công an, dân quân tự vệ ở các xã ven biển, đảo, trong khu kinh tế vững mạnh gắn với củng cố thể trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; xây dựng vững chắc tuyến phòng thủ ven biển và trên đảo Lý Sơn. Xây dựng lực lượng Công an nhân dân và Quân đội nhân dân của tỉnh chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, làm nòng cốt bảo vệ chủ quyền, bảo đảm an ninh, trật tự khu vực biển.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp luật về biển, nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân vùng ven biển và hải đảo. Tăng cường các hoạt động tuần tra, kiểm soát, xử lý kịp thời các hoạt động gây mất an ninh trật tự, vi phạm pháp luật, vi phạm chủ quyền vùng biển; phối hợp chặt chẽ với Bộ Ngoại giao kịp thời can

thiệt, đấu tranh, bảo vệ ngư dân, tàu thuyền khi bị tàu nước ngoài tấn công khi hành nghề trên biển thuộc chủ quyền của Việt Nam; đồng thời, ngăn chặn tình trạng tàu cá của tỉnh vi phạm vùng biển đặc quyền kinh tế của các nước.

e) Huy động nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư cho phát triển bền vững biển, xây dựng doanh nghiệp kinh tế biển mạnh

Tranh thủ nguồn ngân sách trung ương thông qua nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu, vốn Chương trình Biển Đông-Hải đảo, vốn hỗ trợ phát triển huyện đảo Lý Sơn theo Quyết định số 1995/QĐ-TTg ngày 04/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ, vốn trái phiếu Chính phủ,... cùng với nguồn vốn ngân sách địa phương ưu tiên đầu tư các công trình hạ tầng kết nối, quan trọng, thiết yếu, có tính chất lan tỏa thúc đẩy phát triển kinh tế vùng biển, đảo. Khai thác hợp lý quỹ đất để phát triển nông nghiệp, bảo đảm an ninh lương thực, ổn định đời sống nhân dân; phát triển các khu đô thị ven biển, đảo để từng bước đô thị hóa và phát triển kết cấu hạ tầng khu vực ven biển, đảo. Chủ động tranh thủ nguồn vốn FDI, ODA và các nguồn vốn khác để đầu tư hạ tầng giao thông, đô thị, xử lý nước thải, rác thải các khu đô thị, khu công nghiệp ven biển, đảo.

Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, đổi mới công tác xúc tiến đầu tư nhằm tạo điều kiện thuận lợi thu hút nhà đầu tư tham gia phát triển kinh tế biển, đảo. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư kết cấu hạ tầng trên một số lĩnh vực có khả năng như cảng biển, hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường,... Phát huy hình thức hợp tác công tư (PPP); thu hút các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, trong đó ưu tiên các dự án đầu tư lớn, sử dụng công nghệ tiên tiến, dự án công nghệ cao tạo ra giá trị gia tăng lớn cho phát triển kinh tế biển.

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUB: C, PCVP, các P.N/cứu, CBTH;
- Lưu VT, THptth265.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Căng